

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà [Trần Thị Út L](#), sinh năm 1954.

Địa chỉ: [Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông [Phan Văn Đ](#), sinh năm 1970 (vắng mặt).

2. Bà [Phạm Thị Kiều L1](#), sinh năm 1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: [Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 16 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà [Trần Thị Út L](#) trình bày:

Bà Trần Thị Út L với vợ chồng ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Kiều L1 quen biết nhau từ lâu, nên bà L có cho ông Đ và bà L1 vay nợ (tiền) nhiều lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng cụ thể như sau:

Lần đầu tiên bà L1 điện thoại hỏi bà L vay số tiền 40.000.000 đồng, bà L đồng ý, bà L1 kêu ông Đ qua nhà bà L nhận, bà L giao cho ông Đ số tiền 40.000.000 đồng, ông Đ có làm biên nhận với bà L đối với số tiền này. Sau đó bà L1 vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng, bà L1 làm lại biên nhận ngày 13/01/2023 với số tiền 50.000.000 đồng, còn biên nhận ông Đ lập nhận số tiền 40.000.000 đồng thì bà L1 lấy lại và xé bỏ. Sau đó, bà L1 tiếp tục hỏi bà L vay thêm số tiền 40.000.000 đồng và tiếp tục vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, bà L1 có làm biên nhận nợ cho bà L bằng giấy viết tay vào ngày 22/01/2023 là bà L1, ông Đ nhận của bà L số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng bà L1, ông Đ vay của bà L số tiền là 100.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, trong suốt quá trình vay, ông Đ, bà L1 không có đóng tiền lãi cho bà L, khi vay không có thỏa thuận thời gian trả nợ gốc cụ thể nhưng bà L1 thỏa thuận với bà L khi nào cần tiền thì nói bà L1, bà L1 trả tiền vốn gốc cho bà L, bà L thấy bà L1 không trả lãi cho bà L nên khoảng 10 ngày sau (sau ngày 22/01/2023), bà L gặp bà L1 để đòi số tiền gốc lại và tiền lãi thì bà L1 không chịu trả cho đến nay. Khi vay tiền, bà L1 nói vay cho thầy giáo tức là ông Đ, chồng bà L1, bà L1 không nói ông Đ vay để làm gì và lần đầu ông Đ cũng là người qua nhận số tiền 40.000.000 đồng nên bà L tin tưởng và bà L cho vay tiếp tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng.

Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà L1 và ông Đ phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ vay vốn gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm đối với số tiền vốn gốc còn nợ, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2023 cho đến khi bà L1, ông Đ trả hết số tiền nợ gốc cho bà L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị Kiều L1 trình bày:

Bà L1 có mối quan hệ là vợ của ông Phan Văn Đ, có đăng ký kết hôn (trước năm 2023) theo quy định của pháp luật. Bà L1 có vay tiền bà Trần Thị Út L nhiều lần nhưng thời gian vay cụ thể thì bà L1 không nhớ rõ. Lần 1, bà L1 vay số tiền 40.000.000 đồng, lần 2 vay số tiền 10.000.000 đồng. Hai lần vay này, bà L1 có làm biên nhận nợ cho bà L bằng giấy viết tay vào ngày 13/01/2023 là bà L1 nhận của bà L số tiền 50.000.000 đồng. Lần 3, bà L1 vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, lần 4 bà L1 vay số tiền 10.000.000 đồng. Lần 3 và lần 4 vay này, bà L1 có làm biên nhận nợ cho bà L bằng giấy viết tay vào ngày 22/01/2023 là bà L1 nhận của bà L số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng, bà L1 nhận của bà L số tiền là 100.000.000 đồng. Bà L1 thừa nhận 02 biên nhận nợ ngày 13/01/2023 và ngày 22/01/2023 là do chính bà L1 tự viết nội dung và ghi tên “Phạm Thị Kiều L1: L1”, “Phan Văn Đ: 10 Đủ”, ông Đ không có viết tên hay ký tên vào 02 biên nhận nợ trên. Ở biên nhận ngày 13/01/2023, tuy không thể hiện lãi suất bao nhiêu nhưng bà L1 vẫn đóng lãi suất cho bà L đầy đủ, với mức lãi suất là 5%/tháng. Khi vay tiền không có ghi thời gian trả nợ, thỏa thuận bằng lời nói là bà L1 trả tiền lãi

hàng tháng, khi nào có tiền thì bà L1 trả số tiền vốn gốc cho bà L. Trong suốt thời gian vay, bà L1 chưa trả tiền lãi cho bà L.

Khi bà L1 vay tiền lần đầu số tiền 40.000.000 đồng (trong biên nhận ngày 13/01/2023, ghi số tiền 50.000.000 đồng) của bà L thì bà L1 điện thoại hỏi vay tiền của bà L rồi bà L1 nhờ chồng bà L1 là ông Đ qua nhà bà L lấy tiền về đưa cho bà L1. Bà L1 vay tiền của bà L là để trang trải cho việc trả nợ tiền hụi cho hụi viên do bà L1 làm chủ hụi. Việc bà L1 làm chủ hụi là để kiếm thêm thu nhập phục vụ cho cuộc sống gia đình bà L1. Bà L1 làm chủ hụi từ năm 2013 đến năm 2023 thì bể hụi, bà L1 mất khả năng thanh toán.

Việc vay tiền của bà L do bà L1 tự vay, không có liên quan ông Đ nên bà L1 đồng ý tự trả số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi cho bà L với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền vốn gốc còn nợ, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2023 cho đến khi bà L1 trả hết số tiền nợ gốc cho bà L. Do hiện nay bà L1 còn thiếu nợ nhiều người và đang bị cơ quan điều tra Công an tỉnh S khởi tố, điều tra nên bà L1 chưa có tiền để trả nợ cho bà L. Sau này, nếu bà L1 có bị Tòa án tuyên phạt tù thì khi bà L1 chấp hành án xong, bà L1 sẽ làm kiếm tiền trả nợ cho bà L.

Đối với bị đơn ông Phan Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án số 34/TB-TLVA ngày 06 tháng 6 năm 2024, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã đến nhà của bị đơn để lấy lời khai, tuy nhiên bị đơn không có mặt ở nhà nên Tòa án lập biên bản về việc không lấy lời khai được bị đơn Đ nên không có lời khai của bị đơn Đ trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm đối với số tiền vốn gốc còn nợ, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2023 cho đến khi các bị đơn trả hết số tiền nợ gốc cho nguyên đơn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc 100.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm đối với số tiền vốn gốc còn nợ, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2023 cho đến khi các bị đơn trả hết số tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi bà Trần Thị Út L nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện là ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Kiều L1 cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà L1 phải trả số tiền vay còn nợ và yêu cầu tính lãi. Bà L đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa án đã thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho bà L theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà Trần Thị Út L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các bị đơn ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Kiều L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc là 100.000.000 đồng và tính lãi suất 20%/năm, thời gian tính lãi tính từ ngày 22/01/2023 cho đến khi các bị đơn trả hết số tiền nợ gốc cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Kiều L1 đều thừa nhận: Bị đơn L1 có vay tiền của bà L các lần như sau: Lần 1, bà L1 vay số tiền 40.000.000 đồng, lần 2 vay số tiền 10.000.000 đồng. Hai lần vay này, bà L1 có làm biên nhận nợ cho bà L bằng giấy viết tay vào ngày 13/01/2023 là bà L1 nhận của bà L số tiền 50.000.000 đồng. Lần 3, bà L1 vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, lần 4 bà L1 vay số tiền 10.000.000 đồng. Lần 3 và lần 4 này, bà L1 có làm biên nhận nợ cho bà L bằng giấy viết tay vào ngày 22/01/2023 là bà L1 nhận của bà L số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng, bà L1 nhận của bà L số tiền là 100.000.000 đồng. Bà L1 thừa nhận 02 biên nhận nợ ngày 13/01/2023 và ngày 22/01/2023 là do chính bà L1 tự viết nội dung và ghi tên "Phạm Thị Kiều L1: L1", "Phan Văn Đ: 10 Đủ", ông Đ không có viết tên hay ký tên vào 02 biên nhận nợ trên. Ở biên nhận ngày 13/01/2023, tuy không thể hiện lãi suất bao nhiêu nhưng bà L1 vẫn đóng lãi suất cho bà L đầy đủ, với mức lãi suất là 5%/tháng. Khi

vay tiền không có ghi thời gian trả nợ, thỏa thuận bằng lời nói là bà L1 trả tiền lãi hàng tháng, khi nào có tiền thì bà L1 trả số tiền vốn gốc cho bà L. Trong suốt thời gian vay, bà L1 chưa trả tiền lãi cho bà L. Khi bà L1 vay tiền lần đầu số tiền 40.000.000 đồng (trong biên nhận ngày 13/01/2023, ghi số tiền 50.000.000 đồng) của bà L thì bà L1 điện thoại hỏi vay tiền của bà L rồi bà L1 nhờ chồng bà L1 là ông Đ qua nhà bà L lấy tiền về đưa cho bà L1. Bà L1 vay tiền của bà L là để trang trải cho việc trả nợ tiền hụi cho hụi viên do bà L1 làm chủ hụi. Việc bà L1 làm chủ hụi là để kiếm thêm thu nhập phục vụ cho cuộc sống gia đình bà L1. Bà L1 làm chủ hụi từ năm 2013 đến năm 2023 thì bẽ hụi, bà L1 mất khả năng thanh toán. Việc vay tiền của bà L do bà L1 tự vay, không có liên quan ông Đ nên bà L1 đồng ý tự trả số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi cho bà L với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền vốn gốc còn nợ, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2023 cho đến khi bà L1 trả hết số tiền nợ gốc cho bà L. Do hiện nay bà L1 còn thiếu nợ nhiều người và đang bị cơ quan điều tra Công an tỉnh S khởi tố, điều tra nên bà L1 chưa có tiền để trả nợ cho bà L. Sau này, nếu bà L1 có bị Tòa án tuyên phạt tù thì khi bà L1 chấp hành án xong, bà L1 sẽ làm kiếm tiền trả nợ cho bà L. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận bà Phạm Thị Kiều L1 có vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Trần thị Út L là sự thật.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn bà L1 và ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc và lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 6 năm 2024, bà L1 cho rằng việc vay tiền của bà L là bà L1 tự vay, không có liên quan ông Đ nên bà L1 đồng ý tự trả số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng. Bà L1 thừa nhận “Khi bà L1 vay tiền lần đầu số tiền 40.000.000 đồng (trong biên nhận ngày 13/01/2023, ghi số tiền 50.000.000 đồng) của bà L thì bà L1 điện thoại hỏi vay tiền của bà L rồi bà L1 nhờ chồng bà L1 là ông Đ qua nhà bà L lấy tiền về đưa cho bà L1. Bà L1 vay tiền của bà L là để trang trải cho việc trả nợ tiền hụi cho hụi viên do bà L1 làm chủ hụi. Việc bà L1 làm chủ hụi là để kiếm thêm thu nhập phục vụ cho cuộc sống gia đình bà L1”. Như vậy, khi bà L1 vay tiền của bà L, thì ông Đ biết và có đi nhận tiền vay từ bà L và việc bà L1 vay tiền của bà L là để trang trải cho việc trả nợ tiền hụi cho hụi viên do bà L1 làm chủ hụi. Việc bà L1 làm chủ hụi là để kiếm thêm thu nhập phục vụ cho cuộc sống gia đình bà L1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà L1 với ông Đ cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay cho bà L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định” và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ của bên vay như sau: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là

vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả lãi suất 20%/năm tính từ ngày 22/01/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc cho nguyên đơn và bị đơn [L1](#) cũng đồng ý trả lãi suất cho nguyên đơn 20%/năm tính từ ngày 22/01/2023, việc thỏa thuận trên là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi của số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng (từ ngày 22/01/2023 đến ngày 09/8/2024 là 01 năm 06 tháng 19 ngày, lãi suất 20%/năm) là 31.041.095 đồng

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi suất là 31.041.095 đồng. Tổng cộng số tiền vay vốn gốc và lãi là 131.041.095 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 10/8/2024), các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ vay vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ vay vốn gốc này.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông [Phan Văn Đ](#) và bà [Phạm Thị Kiều L1](#) phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 6.552.054 đồng (ông [Phan Văn Đ](#) nộp 3.276.027 đồng, bà [Phạm Thị Kiều L1](#) nộp 3.276.027 đồng).

[10] Nguyên đơn bà [Trần Thị Út L](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và được Tòa án chấp nhận nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út L về yêu cầu trả số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất đối với các bị đơn ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Kiều L1.

2. Xử buộc các bị đơn ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Kiều L1 phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Út L số tiền nợ vay vốn gốc 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 31.041.095 đồng. Tổng cộng số tiền vay vốn gốc và lãi là 131.041.095 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 10/8/2024), các bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ vay vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ vay vốn gốc này.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Phan Văn Đ và bà Phạm Thị Kiều L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.552.054 đồng (ông Phan Văn Đ nộp 3.276.027 đồng, bà Phạm Thị Kiều L1 nộp 3.276.027 đồng).

3.2. Nguyên đơn bà Trần Thị Út L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và được Tòa án chấp nhận nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn